|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH ĐỒNG NAI  **SỞ CÔNG THƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /QĐ-SCT | *Đồng Nai, ngày tháng năm* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt dự toán gói thầu tư vấn lập Đề cương và dự toán chi tiết “Trang bị Phòng họp trực tuyến tại Sở Công Thương”**

**GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2020 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;*

*Căn cứ Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ Quyết định số 2674/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 112/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ Văn bản số 1142/UBND-KTNS ngày 14/02/2023 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc về việc có ý kiến cho phép chủ trương thực hiện trang bị Phòng họp trực tuyến tại Sở Công Thương;*

*Căn cứ kế hoạch số 1036/KH-SCT ngày 07/3/2023 của Sở Công Thương về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng của Sở Công Thương năm 2023*.

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng và Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính Tổng hợp Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1**. Phê duyệt dự toán gói thầu (tư vấn) Lập đề cương và dự toán chi tiết “Trang bị Phòng họp trực tuyến tại Sở Công Thương” như sau:

- Tên Đề cương và dự toán chi tiết: Trang bị Phòng họp trực tuyến tại Sở Công Thương.

- Chủ đầu tư: Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai.

- Tổng dự toán thực hiện: **8.181.000 đồng** *(đã bao gồm thuế, phí liên quan)*

*(Bằng chữ: Tám triệu, một trăm tám mươi mốt ngàn đồng).*

*(Đính kèm Phụ lục dự toán).*

- Nguồn kinh phí: Nguồn kinh phí không thường xuyên được cấp năm 2023.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Phòng Kế hoạch – Tài chính – Tổng hợp, Trưởng phòng Công nghệ thông tin, Kế toán Sở Công Thương và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như điều 3;  - Ban Giám đốc Sở;  - Phòng KHTCTH; VPS.  - Lưu: VT.  F:\2023\PhongHopTrucTuyen2023\Thue-VietDeCuong  thuymtt | **GIÁM ĐỐC**  **Trương Thị Mỹ Dung** |

**Phụ lục**

**DANH MỤC, DỰ TOÁN CHI TIẾT**

**Gói thầu Tư vấn Lập đề cương và dự toán chi tiết “Trang bị Phòng họp trực tuyến tại Sở Công Thương”**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SCT ngày / /2021 của Sở TT&TT)*

*Đơn vị tính: Đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Khoản mục chi phí** | **Diễn giải** | **Giá trị (đồng)** | **Ghi chú** | **Diễn Giải** |
| 1 | Chi phí chuyên gia | - 01chuyên gia (kỹ sư bậc 2) x 11,5 ngày công x đơn giá 1 ngày công KS bậc 2 | 4.252.608 | Ccg | Áp dụng tại QĐ 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019 và Áp dụng bảng tính toán mức lương trung bình |
| 2 | Chi phí quản lý | 55%\*Ccg | 2.338.934 | Cql | Áp dụng tại QĐ 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019 |
| 3 | Chi phí khác | Văn phòng phẩm, Công tác phí, đi lại cho nhóm chuyên gia | 425.261 | Ck | 10% của chi phí chuyên gia |
| 4 | Thu nhập chịu thuế tính trước | 6%\*(Ccg+Cql+Ck) | 421.008 | TN | Áp dụng tại QĐ 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019 |
| 5 | Thuế giá trị gia tăng | 10%\*(Ccg+Cql+Ck+TN) | 743.781 | VAT |
| 6 | Chi phí dự phòng | 10%\*(Ccg+Cql+Ck+TN+VAT) | - | Cdp |
|  | **Tổng cộng (làm tròn)** | **Ccg+Cql+Ck+TN+VAT+Cdp** | **8.181.000** | **Ctv** |  |

**\* Ghi chú:**

- Phương pháp xác định chi phí thuê chuyên gia áp dụng tại Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **BẢNG TÍNH TOÁN MỨC LƯƠNG CỦA KỸ SƯ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN** | | | | | | | | | | | |
| **STT** | **Bậc** | **Hệ số lương (HCB)** | **Hệ số phụ cấp (HPC)** | **Mức lương cơ sở (MLCS)** | **Lương cơ bản (HCB+HPC)\*MLCS** | **Hệ số điều chỉnh (HĐC) *Vùng I*** | **Các khoản đóng góp theo lương (BHLĐ): BHXH (17%), BHTNLĐ-BNN (0,5%), BHYT (3%), BHTN (1%), KPCĐ (2%) *(Lương cơ bản\*23,5%)*** | **Ngày công (t)** | **Giá ngày công (gnc) [Lương cơ bản \*(1+HĐC)+BHLĐ)]\*1/t** | **Giá giờ công (H) 8 giờ/ngày** |
| 1 | 1 | 2,34 | 0 | 1.490.000 | 3.486.600 | 1,2 | 819.351 | 26 | 326.534 | 40.817 |
| 2 | 2 | 2,65 | 0 | 1.490.000 | 3.948.500 | 1,2 | 927.898 | 26 | 369.792 | 46.224 |
| 3 | 3 | 2,96 | 0 | 1.490.000 | 4.410.400 | 1,2 | 1.036.444 | 26 | 413.051 | 51.631 |
| 4 | 4 | 3,27 | 0 | 1.490.000 | 4.872.300 | 1,2 | 1.144.991 | 26 | 456.310 | 57.039 |
| 5 | 5 | 3,58 | 0 | 1.490.000 | 5.334.200 | 1,2 | 1.253.537 | 26 | 499.568 | 62.446 |
| 6 | 6 | 3,89 | 0 | 1.490.000 | 5.796.100 | 1,2 | 1.362.084 | 26 | 542.827 | 67.853 |
| 7 | 7 | 4,20 | 0 | 1.490.000 | 6.258.000 | 1,2 | 1.470.630 | 26 | 586.086 | 73.261 |
| 8 | 8 | 4,51 | 0 | 1.490.000 | 6.719.900 | 1,2 | 1.579.177 | 26 | 629.345 | 78.668 |

***Chú thích:*** \* Căn cứ tính

Luật Lao động 10/2012/QH13;

Quyết định số 129/QĐ-BTTTT ngày 03/02/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Quyết định 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam về việc ban hành quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh ngề nghiệp, quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế.

Nghị định 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.